

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/GPMT-UBND

Trà Vinh, ngày 16 tháng 3 năm 2023

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản số 88/CTN-KHKT ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư Nhà máy nước thành phố Trà Vinh và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 85/TTr-STNMT ngày 10 tháng 3 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, địa chỉ tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy nước thành phố Trà Vinh” tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở**

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nước thành phố Trà Vinh.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Số 521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 2100119570 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 28 tháng 12 năm 2010 (đăng ký lần đầu), đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 02 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 2100119570

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy cấp nước sinh hoạt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Nhà máy có tổng diện tích đất khoảng 10.384,9 m<sup>2</sup> thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 28.000m<sup>3</sup> nước/ngày đêm.

## 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

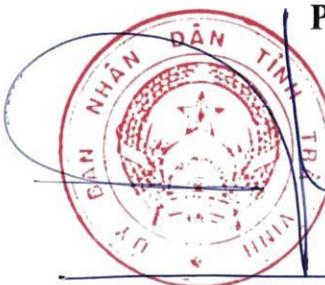
2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày **16** tháng 3 năm 2023 đến ngày **16** tháng 3 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH<sup>task</sup>  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thị Hiện

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 09 /GPMT-UBND  
ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Nước thải sinh hoạt tại Công ty.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:** 01 dòng nước thải sau xử lý.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước công cộng đường Nguyễn Chí Thanh thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hố ga đầu nối trên đường Nguyễn Chí Thanh thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1096933; Y=592016 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , mui chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống thoát nước của Công ty ra cống công cộng đường Nguyễn Chí Thanh thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.200	
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	4,8	
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	12	

7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (Tính theo N)	mg/L	60	
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12	
10	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (Tính theo P)	mg/L	12	
11	Coliform	MPN/ 100mL	5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được thu gom về các hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý với tổng thể tích 13,5 m<sup>3</sup> bố trí tại khu vực gần nhà bảo vệ và khu nhà làm việc, sau đó dẫn đến bể khử trùng tiếp tục xử lý và thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất phát sinh tại bể lắng lamen (Khu xử lý vôi) được thu gom bằng rãnh thu gom nước thải (kích thước rãnh: rộng x sâu = 0,8m x 1,5m), dẫn về bể dự trữ bằng đường ống uPVC D200 để tách bùn; phần nước được dẫn về khu xử lý cặn bằng đường ống upVC D114.

- Nước thải sản xuất từ bể lọc cát (Khu xử lý nước cứng, Khu xử lý nước sắt) được dẫn về hồ thu nước rửa lọc bằng đường ống uPE D400; sau đó dẫn vào hồ ga nước thải tập trung (kích thước dài x rộng x sâu = 4m x 1,5m x 1,5m) bằng đường ống uPVC D400. Nước thải từ hồ ga được dẫn về khu xử lý cặn bằng rãnh thu gom nước thải (kích thước rãnh: rộng x sâu = 0,8m x 1,5m).

- Nước thải phát sinh từ máy ép bùn thải được dẫn về khu xử lý cặn bằng đường ống upVC D90.

- Nước thải tại khu xử lý cặn được bơm tuần hoàn, tái sử dụng về bể lắng lamen, không xả ra môi trường.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau: Nước thải sinh hoạt → hầm tự hoại 3 ngăn → Bể khử trùng → cống thoát nước công cộng đường Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sản xuất như sau:

+ Nước thải từ máy ép bùn + Nước thải từ Bể lọc cát → Bể dự trữ 2 → Bể lắng lamen 1 → Bể lắng lamen 2 + Cụm lọc → Ngăn chứa nước sau xử lý → Tuần hoàn về Bể lắng lamen khu xử lý vôi.

+ Nước thải từ Bể lắng lamen khu xử lý vôi → Bể dự trữ 2 → Bể lắng lamen 1 → Bể lắng lamen 2 + Cụm lọc → Ngăn chứa nước sau xử lý → Tuần hoàn về Bể lắng lamen khu xử lý vôi.

- Công suất thiết kế: 35 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer và hóa chất trợ lắng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15 tháng 4 năm 2023 đến ngày 15 tháng 7 năm 2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Sau bể khử trùng. Tọa độ X=1096 934; Y=591 993

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BNM, cột B, K = 1,2)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.200
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	4,8
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	12
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (Tính theo N)	mg/L	60
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12
10	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (Tính theo P)	mg/L	12
11	Coliform	MPN/ 100mL	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

Vị trí lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý	03 tháng 5 năm 2023
	04 tháng 5 năm 2023
	05 tháng 5 năm 2023

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.



## Phụ lục 2

### **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐÓI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 09/GPMT-UBND  
ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

##### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn phát sinh 01: Khu vực hệ thống xử lý nước và máy ép bùn ly tâm.
- Nguồn phát sinh 02: Trạm bơm tăng áp.

##### **2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ , mũi chiếu $3^{\circ}$ ):

- Khu vực hệ thống xử lý nước và máy ép bùn ly tâm: Tọa độ vị trí X=1096969; Y=591932.
- Trạm bơm tăng áp: Tọa độ vị trí X=1096964; Y=591987.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

###### **3.1. Tiếng ồn**

Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

###### **3.2. Độ rung**

Thời gian áp dụng trong ngày và mức giá tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 -21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
70	60	06 tháng/lần	Khu vực thông thường QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

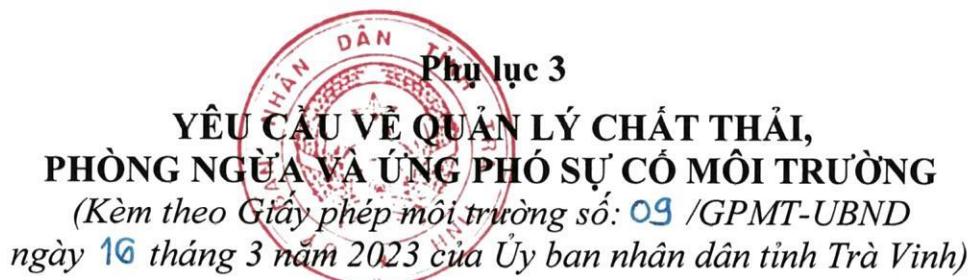
#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÓI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

##### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Xây dựng hàng rào bao quanh Nhà máy nhằm hạn chế phát tán tiếng ồn ra khu vực xung quanh. Tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.
- Khu vực bố trí các hệ thống máy móc phục vụ sản xuất cách khu vực văn phòng/nhà làm việc khoảng 200 - 300m, từ đó giảm thiểu được tối đa các tác động của tiếng ồn đến khu vực này.
- Đối với các hạng mục công trình phát sinh độ ồn cao và liên tục, các biện pháp đang được áp dụng cụ thể như sau:
  - + Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra trong quá trình vận hành, sử dụng, từ đó phát hiện kịp thời các hư hỏng.
  - + Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động và giảm thiểu phát sinh độ ồn. Thực hiện sửa chữa, thay thế linh kiện (khi cần thiết).
  - + Đối với trạm bơm tăng áp và máy phát điện dự phòng: Bố trí phòng máy riêng biệt, cách âm.
  - + Đối với ép vôi: Bố trí cách cách khu vực văn phòng/nhà làm việc khoảng 250 - 300m, từ đó giảm thiểu được tối đa các tác động của tiếng ồn đến khu vực này.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.



## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	05
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	10
3	Pin thải	16 01 12	Rắn	02
4	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	16 01 08	Rắn/lỏng	05
5	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	03
<b>Tổng cộng</b>				<b>25</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Bùn thải thu được sau máy ép ly tâm	270.000 kg/tháng
2	Bao bì chứa vôi	10 - 20 kg/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 5.584 kg/năm.

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng nhựa có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng trong quá trình sử dụng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại trong Nhà kho hóa chất với diện tích khoảng 02 m<sup>2</sup>. Có biển cảnh báo theo tiêu chuẩn về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

Kết cấu nhà kho: Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được trán ximăng, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên

ngoài vào; phần mái được lợp tole, che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; đảm bảo khoảng cách an toàn với các loại hóa chất khác trong kho.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:** Tái sử dụng bao bì chứa vôi nguyên liệu để chứa đựng vôi thải.

**2.2.2. Khu vực lưu chứa:** Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời vôi thải tiếp giáp với Khu xử lý nước cứng, diện tích 100 m<sup>2</sup> đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công ty phải chuyển giao vôi thải cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường để thu gom, vận chuyển, xử lý; không để tồn đọng số lượng lớn.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

**2.3.1. Thiết bị lưu chứa:** Bố trí các thùng nhựa loại 12 lít hoặc 24 lít tại các vị trí như: văn phòng, nhà vệ sinh để thu gom; sau đó, đổ vào 01 thùng nhựa dung tích 240 lít, có nắp đậy kín và chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý định kỳ hàng ngày.

**2.3.2. Khu vực lưu chứa:** Không có

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở./.